

Số: 1702/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 22 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện An Lão

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 25/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết: Số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017, số 20/NQ-HĐND ngày 12/7/2018, số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018, số 14/NQ-HĐND ngày 27/3/2019, số 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc thông qua danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất; dự án, công trình cần chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; mức vốn ngân sách Nhà nước dự kiến cấp cho việc bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố (năm 2018, 2019 và 2020);

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 255/TTr-STN&MT ngày 12/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện An Lão với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Tổng số 39 dự án/164,21 ha đất quy hoạch thực hiện dự án, công trình, cụ thể:

- Kế hoạch sử dụng đất (Biểu số 01).
- Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất (Biểu số 02).
- Kế hoạch thu hồi các loại đất (Biểu số 03).
- Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng (Biểu số 04).
- Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2020 (Biểu số 05).

Điều 2.

1. Ủy ban nhân dân huyện An Lão có trách nhiệm:

a) Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

b) Rà soát các công trình, dự án được phê duyệt tại Quyết định này trước khi thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo theo đúng danh mục dự án, công trình phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất được Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt và quy định của pháp luật hiện hành.

c) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất, các trường hợp được giao đất, cho thuê đất nhưng không sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng sai mục đích; kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ đã cam kết trong dự án..

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Ủy ban nhân dân huyện An Lão tổ chức thực hiện Quyết định này;

b) Căn cứ quy định tại Điều 67 Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kiểm tra, rà soát những dự án, công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện; loại bỏ ra khỏi danh mục những dự án, công trình không đủ điều kiện, đảm bảo việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đúng quy định của pháp luật;

c) Rà soát, tổng hợp hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đối với các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai 2013 trước khi thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

d) Lưu trữ toàn bộ hồ sơ, tài liệu thẩm định, trình duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện An Lão.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện An Lão và Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Chủ tịch;
- Các PCT UBNDTP;
- Như Điều 3;
- CVP, các PCVP;
- CV: ĐC3, ĐC2, ĐC1, QH, XD, GT, NN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Chuyên

Biểu 01

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 CỦA HUYỆN AN LÃO - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 22 / 6 /2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: ha

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																
				Thị trấn An Lão	Xã Bát Trang	Xã Trường Thọ	Xã Trường Thành	Xã An Tiến	Xã Quang Hưng	Xã Quang Trung	Xã Quốc Tuấn	Xã An Thắng	Thị trấn Trường Sơn	Xã Tân Dân	Xã Thái Sơn	Xã Tân Viên	Xã Mỹ Đức	Xã Chiến Thắng	Xã An Thọ	Xã An Thái
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		11.770,54	167,74	1.218,59	818,84	515,85	664,45	665,42	677,07	798,44	561,33	402,87	601,92	866,52	848,60	938,87	883,23	559,12	581,69
1	Đất nông nghiệp	NNP	6.309,82	52,97	707,82	511,94	262,23	340,59	367,14	256,78	430,07	318,63	90,69	372,84	515,15	449,34	547,65	440,96	291,09	353,94
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.957,56	51,07	464,10	418,37	155,65	279,19	277,86	220,63	408,84	217,82	68,53	298,92	434,19	364,07	431,54	295,56	251,93	319,30
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	4.957,56	51,07	464,10	418,37	155,65	279,19	277,86	220,63	408,84	217,82	68,53	298,92	434,19	364,07	431,54	295,56	251,93	319,30
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	184,37	0,25	43,84		1,74		4,86	3,69	1,88	0,83	0,81	1,69	1,68	38,56	12,02	53,70	17,00	1,83
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	302,93	0,39	168,26	24,97	6,97	9,10	52,11	22,91	2,88	2,21	0,40	0,79	5,57	0,67	0,49		1,04	4,17
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	78,78				32,92					45,86								
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	31,13					31,13												
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	22,80												22,80					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	650,10	1,12	20,17	68,60	64,95	20,99	30,50	9,11	7,66	49,42	16,06	69,78	50,91	18,06	97,02	80,40	19,49	25,86
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	82,16	0,14	11,45			0,18	1,80	0,44	8,82	2,49	4,90	1,66		27,99	6,58	11,29	1,63	2,78
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.347,12	113,45	510,09	305,06	253,03	269,41	297,40	419,96	363,58	242,21	271,64	229,08	350,95	399,25	391,04	441,59	261,90	227,49
2.1	Đất quốc phòng	CQP	114,17	2,55			9,29	8,90		4,58	0,01	47,84	4,27		25,73	0,81	5,97	4,22		
2.2	Đất an ninh	CAN	30,48	0,31						0,60								29,57		
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																		
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	21,12	20,29											0,83					
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,25			1,44	2,64		0,17		1,20	0,35						0,45		
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	358,70	2,21	9,98	4,71	7,58	21,96	4,37	86,45	49,53	8,08	91,31	1,39	12,61	7,50	17,07	28,09	0,14	5,71
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.318,73	21,50	106,00	56,39	98,98	87,07	63,43	122,33	100,98	33,10	48,86	56,41	73,43	113,31	98,47	90,92	83,20	64,36
2.8	Đất có di tích lịch sử-văn hoá	DDT	7,57				0,10	0,15	0,22			0,97	2,94	0,36	1,29	0,51			1,02	
2.7	Đất danh lam thắng cảnh	DDL																		
2.9	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	6,68		0,88	0,23	0,22	2,33	0,12	0,32	0,08	0,43	0,26		0,63		0,54		0,26	0,40
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	116,27	36,66									79,61							
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	2.063,62		270,49	153,36	76,84	108,72	135,22	109,73	139,57	112,71		105,51	159,74	145,92	178,78	129,44	101,97	135,62
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,21	4,25	0,41	0,71	0,65	1,24	0,79	0,53	0,36	0,62	0,36	1,45	0,22	0,37	0,59	0,92	0,41	0,33
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	77,59	6,41	2,05	5,03	1,72	4,01	2,45	2,33	5,73	10,80	2,75	2,55	4,25	2,95	18,29	2,13	2,42	1,72
2.14	Đất cơ sở tôn giáo	TON	34,01	0,16	2,95	2,92	8,34	0,75	1,59	1,93	1,65	0,80	0,04	1,62	1,06	1,81	2,99	1,46	1,85	2,09
2.15	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	120,94	2,26	4,51	8,92	5,36	4,91	2,88	7,36	11,19	5,32	5,39	5,80	9,86	11,80	9,85	5,60	8,62	11,31
2.16	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	6,83				3,22								0,57	2,63	0,40			
2.17	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12,45	0,11	1,14	1,41	0,57	0,36	0,61	0,11		0,17		1,14	0,30	0,79	1,90	2,41	0,32	1,10
2.18	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,60				0,57	0,60		0,18					0,44	0,81				
2.19	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	15,84	0,34	0,71	0,35	0,34	1,45	0,31	0,25	0,42	2,68	0,83	0,15	2,38	0,77	1,56	0,53	1,86	0,89
2.20	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	967,18	16,39	106,01	59,83	36,61	26,96	84,08	83,03	50,56	15,40	32,87	33,34	51,39	108,37	54,21	145,66	59,48	2,99
2.21	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	49,70		4,95	9,77			1,17	0,25	1,82	2,94	2,14	19,35	4,88	0,88	0,09	0,19	0,30	0,98
2.22	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,19								0,48				1,33		0,33		0,05	
3	Đất chưa sử dụng	DCS	113,60	1,32	0,68	1,84	0,60	54,45	0,88	0,33	4,79	0,49	40,54		0,43		0,18	0,68	6,13	0,26

Đơn vị tính: ha

[illegible]

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020 HUYỆN AN LÃO - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 22 / 6 /2020 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Hạng mục	Mã đất	Chủ đầu tư	Địa điểm (xóm, xứ đồng, đường phố, xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Tăng thêm		Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
A	Danh mục công trình chuyển tiếp thực hiện trong năm 2020 (được phê duyệt tại Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019)									
I	Đất quốc phòng	CQP			0,09	0,09				
1	Hoàn đổi đất Sư đoàn 363 của Tiểu đoàn 82	CQP	UBND huyện	Xã Mỹ Đức	0,09	0,09	LUC (0,02), ONT (0,07)	294-A(231, 232, 232, 233)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SĐĐ 2019;	Chuyển tiếp (đã xác định giá đất BT để tiến hành BT, GPMB) (STT 73 NQ 37 đất LUA)
II	Đất trụ sở cơ quan	TSC			0,97	0,97				
1	Xây dựng trụ sở UBND xã An Tiến	TSC	UBND xã	Xã An Tiến	0,97	0,97	LUC	196-A(781-783, 828, 829, 806, 807, 843)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SĐĐ 2019;	Chuyển tiếp (Đã đến bù, GPMB; đang trình giao đất) (STT 109 NQ 37)
III	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DTS			0,20	0,20				
1	Xây dựng trụ sở bảo hiểm xã hội huyện An Lão	DTS	BHXX thành phố Hải Phòng	TT An Lão	0,20	0,20	LUC	195-C-IV (43, 44, 40, 138, 137, 47)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SĐĐ 2019; Công văn số 1761/BHXX-HCTH ngày 16/11/2015, bố trí đủ vốn khi được thành phố giao đất; Quyết định số 1067/QĐ-BHXX về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng	Chuyển tiếp (đã GPMD, đang hoàn thiện HS xin giao đất) (STT 106 NQ 37)
IV	Đất giao thông	DGT			22,55	22,55				
1	Nâng cấp cải tạo đường 304 cũ (360 kéo dài)	DGT	UBND huyện An Lão	Xã Quang Trung, Quang Hưng	5,40	5,40	LUC (3,0); NTS (1,0); CLN(0,6); ONT(0,3); DGT(0,5)	194 - D, 194 - D - III; 193 - C - 4; 194 - C	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SĐĐ 2019; Công văn số 854/UBND-GT ngày 13/2/2018 về việc điều chỉnh Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 304 từ QL10 đi bến phà Quang Thanh, huyện An Lão; Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND huyện về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019	Chuyển tiếp (STT 101 NQ 37)
2	Dự án đầu tư cải tạo nâng cấp đường 362 huyện An Lão (đoạn từ ngã ba Quán Chũm, km18+500 đến ngã tư Kênh, km27+600)	DGT	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	Xã Mỹ Đức, Tân Viên, Quốc Tuấn, Quang Trung	4,87	4,87	LUC(3,4); CLN (0,52); NTS (0,08); DGT (0,8); DTL (0,07)	270-D-2, 218-B-3, 218-A-4	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SĐĐ 2019; Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND TP về việc phê duyệt dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường 362 huyện An Lão (đoạn từ ngã ba Quán Chũm, km18+500 đến ngã tư Kênh, km27+600)	Chuyển tiếp (Đang GPMB)

STT	Hạng mục	Mã đất	Chủ đầu tư	Địa điểm (xóm, xứ đồng, đường phố, xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Tăng thêm		Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
3	Xây dựng cầu Quang Thanh	DGT	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng	Xã Quang Hưng	1,36	1,36	LUC (0,16); NTD (0,05); DGT (1,15)	216-B, 2016-B-2 (67,85,86,89,84,115,114,113,112,111,110,109,118,100,93,91,90)	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27/3/2019 của HĐND TP; Công văn số 164/VP-GT3 ngày 14/01/2019 của Văn phòng UBND TP về việc lập BC đề xuất chủ trương đầu tư Dự án xây dựng cầu Quang Thanh bắc qua sông Văn Úc, nối huyện An Lão, TP Hải Phòng với huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; Công văn số 77/BQL-PTDA ngày 22/2/2019 của Ban quản lý các dự án cầu Hải Phòng; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SDD 2019	Chuyển tiếp
4	Đường nối tỉnh lộ 354 từ cầu Khuê (qua các xã Tân Trào, Kiến Quốc, Ngũ Phúc, Đại Hà, Ngũ Đoan, Đoàn Xá) và đường bộ ven biển tại xã Đoàn Xá	DGT	UBND huyện Kiến Thụy	Xã Chiến Thắng, An Thọ, Mỹ Đức	10,92	10,92	LUC (10,71); DGT (0,21)		Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27/3/2019 của HĐND TP; Thông báo số 124/TB-UBND ngày 21/11/2010 của UBND thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SDD 2019	Chuyển tiếp
V	Đất cơ sở thể dục- thể thao	DTT			99,80	99,80				
1	Mở rộng sân vận động trung tâm huyện An Lão	DTT	Huyện An Lão	TT An Lão	3,00	3,00	LUC	195-D-IV (1-38)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SDD 2019; Quyết định số 3590/QĐ- UBND ngày 19/12/2001 của UBND TP Hải Phòng về việc phê duyệt dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp sân vận động huyện An Lão	Chuyển tiếp (đã GPMB, đang đền bù và hoàn thiện hồ sơ giao đất)
2	Dự án quần thể sân golf Hải Phòng Sakura Golf Club	DTT	Công ty TNHH HP Sakura Golf Club	Xã An Tiến, Trường Thành	96,80	96,80	LUC (4,7); CLN (24,98); NTS(50,69); DTL (2,8); DGT(5,5); NTD(1,71); SON (0,2); TMD (3,92); ONT(2,3)	173-A, 172-D, 173-C, 172-B	Văn bản số 770/TTg-NN ngày 04/6/2017; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 4356158423 ngày 05/6/2017 của Sở Kế hoạch đầu tư cấp; Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SDD 2019	Chuyển tiếp
VI	Đất chợ	DCH			0,84	0,84				
1	Chuyển sang đất Chợ (chợ Tứ Nghi)	DCH	Công ty TNHH Quang Thắng	Xã Mỹ Đức	0,84	0,84	LUC	294-B	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SDD 2019; GCN đầu tư số 02121000407 ngày 20/3/2012 của UBND TP.	Chuyển tiếp Đã GPMB, đang trình UBND thành phố giao đất)
VII	Đất ở nông thôn (đầu giá QSDD không xây dựng cơ sở hạ tầng)	ONT			5,87	5,87				
1	Đầu giá đất khu Cao Minh	ONT	UBND xã	Xã An Thọ	0,40	0,40	LUC	316 -A (65, 66, 129, 130, 206, 207, 224, 225)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SDD 2019; Đầu giá theo Kế hoạch số 5069/KH-UBND ngày 10/8/2012 của UBND TP	Chuyển tiếp (GPMB xong)

STT	Hạng mục	Mã đất	Chủ đầu tư	Địa điểm (xóm, xứ đồng, đường phố, xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Tăng thêm		Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
2	Đất đấu giá thôn Nam Sơn II	ONT	UBND xã	Xã An Thọ	0,45	0,45	LUC	294 - C (519)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SDD 2019; Đấu giá theo Kế hoạch số 5069/KH-UBND ngày 10/8/2012 của UBND TP	Chuyển tiếp (Đang GPMB)
3	Đấu giá đất ở xen kẹt khu Phương Hạ	ONT	UBND xã	Xã Chiến Thắng	0,05	0,05	LUC	293-A-IV(222, 221, 220, 219, 226, 227, 228a)	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND TP ngày 18/12/2015; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SDD 2019	Chuyển tiếp (đã đấu giá xong 0,32 ha; 0,05 ha đấu bổ sung, đã xong GPMB)
4	Quy hoạch đất ở tái định cư phục vụ dự án Khu quần thể sân golf Hải Phòng Sakura Club và biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp	ONT	UBND huyện An Lão	Xã Trường Thành	2,00	2,00	LUC	172-A, 172-C (91,92,93,96-98,31,32,33,34,26)	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND TP; Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SDD 2019; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 4356158423 ngày 05/6/2017 của Sở Kế hoạch đầu tư; Công văn số 3076/UBND-QH ngày 30/5/2018 của UBND TP về việc đồng ý địa điểm xây dựng khu tái định cư tại khu đất đối diện UBND xã Trường Thành	Chuyển tiếp
5	Đấu giá đất ở thôn Phú Niệm	ONT	UBND xã	Xã Thái Sơn	0,25	0,25	LUC	246-C-2(90, 131, 132, 133, 134)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SDD 2019; Đấu giá theo Kế hoạch số 5069/KH-UBND ngày 10/8/2012 của UBND thành phố	Chuyển tiếp (Đang GPMB)
6	Đấu giá đất ở khu Cầu Hạ B	ONT	UBND xã	Xã Quang Trung	0,34	0,34	LUC	218 - A (1-7)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SDD 2019; Đấu giá theo Kế hoạch số 5069/KH-UBND ngày 10/8/2012 của UBND thành phố	Chuyển tiếp (Đang GPMB)
7	Đấu giá đất ở thôn Hạ Cầu	ONT	UBND xã	Xã Quốc Tuấn	0,45	0,45	LUC	219-A-1(189, v 264-269, 271, 202, 203)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SDD 2019; Đấu giá theo Kế hoạch số 5069/KH-UBND ngày 10/8/2012 của UBND thành phố	Chuyển tiếp (Đang GPMB)
8	Đấu giá đất ở khu xứ đồng cửa chùa thôn Hạ Trang	ONT	UBND xã	Xã Bát Trang	0,40	0,40	LUC	192-B	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SDD 2019; Đấu giá theo Kế hoạch số 5069/KH-UBND ngày 10/8/2012 của UBND thành phố	Chuyển tiếp (Đang GPMB)
9	Đấu giá đất ở khu Nam Hạ thôn Quán Trang	ONT	UBND xã	Xã Bát Trang	0,40	0,40	LUC	192 - B; 168-D(51-54, 45, 476, 477, 478, 479, 480, 481)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SDD 2019; Đấu giá theo Kế hoạch số 5069/KH-UBND ngày 10/8/2012 của UBND thành phố	Chuyển tiếp (Đang GPMB)
10	Đấu giá đất ở thôn Trục Trang (0,33 ha); đất ở thôn Nghĩa Trang (0,32 ha)	ONT	UBND xã	Xã Bát Trang	0,65	0,65	LUC (0,45), CLN (0,2)	169 - B (164-167, 155-161, 326-335)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SDD 2019; Đấu giá theo Kế hoạch số 5069/KH-UBND ngày 10/8/2012 của UBND thành phố	Chuyển tiếp (bổ sung thêm 0,2 ha)
11	Đấu giá đất ở xã An Thái	ONT	UBND xã	Xã An Thái	0,18	0,18	LUC	295-A-4	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SDD 2019; Đấu giá theo Kế hoạch số 5069/KH-UBND ngày 10/8/2012 của UBND thành phố	Chuyển tiếp (Đã GPMB)
12	Đấu giá đất ở khu Văn Khê	ONT	UBND xã	Xã An Thọ	0,30	0,30	LUC	294 - C - IV - 2 (10, 11, 13, 27, 28)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SDD 2019; Đấu giá theo Kế hoạch số 5069/KH-UBND ngày 10/8/2012 của UBND thành phố	Chuyển tiếp (Đã GPMB)

STT	Hạng mục	Mã đất	Chủ đầu tư	Địa điểm (xóm, xứ đồng, đường phố, xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Tăng thêm		Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
VIII	Đất cơ sở tôn giáo	TON			7,78	7,78				
1	Chùa Long Hoa	TON	Hội Phật giáo Hải Phòng	Xã Trường Thành	7,60	7,60	RPH	172-D-I	Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND thành phố; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SĐĐ 2019; Thông báo thu hồi đất số 181/TB-UBND ngày 21/6/2018 của UBND huyện An Lão	Chuyển tiếp (Đã đền bù, GPMB xong)
2	Mở rộng chùa Hạ Trang	TON	UBND xã	xã Bát Trang	0,18	0,18	ONT (0,1); BCS (0,08)	145-C-IV (29,33,34,35); 145-C (747,...,771,775,776); 169-A-II (13); 145-C-IV+145-C (29,...,771); 169-A-II (21,16)	Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SĐĐ 2019; Văn bản số 8294/UBND-VH ngày 25/12/2018 của UBND TP về việc trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử kháng chiến cấp thành phố chùa Hạ Trang	Chuyển tiếp (đã giao đất lần 1 là 0,77 ha)
IX	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA			1,20	1,20				
1	Quy hoạch bãi rác tạm	DRA	UBND huyện An Lão	Xã An Tiến	1,20	1,20	LUC	196-B (1101-1108,1050,1049,1051,1046)	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND TP; Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SĐĐ 2019; Văn bản số 770/TTg-NN ngày 04/6/2017; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 4356158423 ngày 05/6/2017 của Sở Kế hoạch đầu tư; Công văn số 3076/UBND-QH ngày 30/5/2018 của UBND TP về việc đồng ý địa điểm xây dựng bãi chôn lấp rác tạm tại thôn Chi Lai	Chuyển tiếp
X	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD			3,00	3,00				
1	Quy hoạch nghĩa trang	NTD	UBND huyện An Lão	Xã Trường Thành	3,00	3,00	LUC	172-A (1-100)	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SĐĐ 2019; Văn bản số 770/TTg-NN ngày 04/6/2017; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 4356158423 ngày 05/6/2017 của Sở Kế hoạch đầu tư; Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 24/11/2017	Chuyển tiếp
XI	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC			5,64	5,64				
1	Đầu tư xây dựng và đóng mới tàu thủy	SKC	Công ty TNHH Hải Hào	Xã Quang Trung	3,90	3,90	CLN	242-A	Thông báo thu hồi đất số 347 ngày 21/10/2013 của UBND thành phố; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SĐĐ 2019	Chuyển tiếp (đã GPMB, đang trình hồ sơ cho thuê đất)

STT	Hạng mục	Mã đất	Chủ đầu tư	Địa điểm (xóm, xứ đồng, đường phố, xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Tăng thêm		Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
2	Mở rộng nhà máy nước cầu Nguyệt	SKC	Công ty cấp nước Hải Phòng	Xã Thái Sơn	1,74	1,74	DTL	246-D-4 (141)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SĐĐ 2019; Văn bản số 2652/SXD-QHKT ngày 05/9/2017 của Sở Xây dựng về việc nâng cấp mở rộng Nhà máy nước Cầu Nguyệt của Công ty cấp nước Hải Phòng; Công văn số 1383/UBND-VP ngày 31/10/2017 của UBND huyện về chấp thuận chủ trương	Chuyển tiếp (Đang trình UBND thành phố giao đất)
XII	Đất thương mại dịch vụ	TMD			1,20	1,20				
1	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Trạm dịch vụ kinh doanh xăng dầu tại thôn Đâu Kiên	TMD	UBND huyện	xã Quốc Tuấn	1,20	1,20	LUC	194-D-III (152-171,188-233)	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND TP; Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND TP về việc phê duyệt KH SĐĐ 2019; Công văn số 5377/VP-QH ngày 19/11/2018 của UBND thành phố	Chuyển tiếp
	Tổng cộng A = 29 công trình				149,14	149,14				
B	Danh mục công trình chuyển tiếp thực hiện trong năm 2020 (được phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 21/10/2019)									
I	Đất quốc phòng	CQP			4,27	4,27				
1	Cải tạo nâng cấp căn cứ hậu phương số 1 khu vực phòng thủ thành phố	CQP	Bộ Tư lệnh Quân khu 3	Xã Trường Thành, An Tiến	4,27	4,27	RPH (3,94); NTS (0,33)	172-D; 173-C-3 (233-749)	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND TP; Quyết định số 2509/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND TP về việc phê duyệt bổ sung KH SĐĐ 2019; Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND thành phố về việc phê duyệt dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp căn cứ hậu phương số 1 khu vực hậu phương số 1 khu vực phòng thủ thành phố Hải Phòng	Chuyển tiếp
	Tổng cộng B = 01 công trình				4,27	4,27				
C	Danh mục công trình đăng ký mới trong năm 2020									
I	Đất ở nông thôn	ONT			4,30	4,30				
1	Đầu giá đất ở xen kẹt thôn Tiên Hội	ONT	UBND huyện	Xã An Tiến	0,15	0,15	LUC	197-A-3 (35, 36, 51, 73, 74, 84, 85)	Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố	Đăng ký mới
2	Đầu giá đất ở xen kẹt thôn Mông Thượng	ONT	UBND huyện	Xã Chiến Thắng	0,28	0,28	LUC (0,15); DGT (0,13)	8 (293-A) 209-214	Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố	Đăng ký mới
3	Đầu giá đất ở xen kẹt thôn Cầu Hạ B	ONT	UBND huyện	Xã Quang Trung	0,31	0,31	LUC	218-A (653, 657, 662)	Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố	Đăng ký mới
4	Đầu giá đất ở xen kẹt thôn Phương Hạ	ONT	UBND huyện	Xã Chiến Thắng	0,32	0,32	LUC	293-B-III-3 (148, 149, 150... 155)	Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố	Đăng ký mới
5	Đầu giá đất ở xen kẹt thôn Thượng Trang 2	ONT	UBND huyện	Xã Bát Trang	0,29	0,29	LUC	145-D (1010, 1011, 1046-1048, 1064, 1065)	Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố	Đăng ký mới
6	Đầu giá đất ở xen kẹt thôn Thượng Trang 1	ONT	UBND huyện	Xã Bát Trang	0,30	0,30	LUC	145-D (1106-1108, 1131, 1132, 1148-1151)	Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố	Đăng ký mới

STT	Hạng mục	Mã đất	Chủ đầu tư	Địa điểm (xóm, xứ đồng, đường phố, xã)	Diện tích quy hoạch (ha)	Tăng thêm		Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
7	Đầu giá đất ở xen kẹt thôn Trục Trang 2	ONT	UBND huyện	Xã Bát Trang	0,25	0,25	LUC	169-B (319-325)	Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND thành phố	Đăng ký mới
8	Đầu giá QSDĐ khu tái định cư	ONT	UBND huyện	Xã Quốc Tuấn	2,40	2,40	BHK	Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500	Giải quyết vướng mắc, tồn tại khu tái định cư phục vụ dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	Đăng ký mới (hoàn thiện hồ sơ giao đất, đã thực hiện xong việc BT, GPMB năm 2011)
II	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	SKC			6,50	6,50				
1	Nhà máy sản xuất giấy Kraft và bao bì	SKC	Công ty cổ phần in và bao bì	TT Trường Sơn	6,50	6,50	LUC		Văn bản số 739/VP-XD2 ngày 30/03/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố. Công văn số 1075/KHĐT-QLPTDN ngày 29/6/2015 của Sở KHĐT	Đã GPMB, đang trình UBND thành phố xin giao đất
	Tổng cộng C = 9 công trình				10,80	10,8				
	Tổng cộng A+B+C: 39 công trình				164,21	164,21				